

Số: 09 /CBTT-CTCSCC

TP.Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM

Trụ sở chính: 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38 536 883 Fax: (08) 38 592 896

Người thực hiện công bố thông tin: ông Huỳnh Trí Dũng

Địa chỉ: 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (08) 38 536 883 Fax: (08) 38 592 896

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh thông báo công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Huỳnh Trí Dũng**

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018  
(đã được kiểm toán)

## **NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 29
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 29

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần 5 số 0300423479 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại số 121, đường Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hưng Út	Chủ tịch
Ông Lê Mạnh Thường	Phó Chủ tịch
Ông Huỳnh Trí Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Thọ	Thành viên
Bà Đoàn Thị Minh Trang	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Trí Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Chí Nam	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Xuân Liễu	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tấn Phong	Thành viên
Ông Trần Nam Trung	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Huỳnh Trí Dũng**

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2018



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 05 tháng 04 năm 2018, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 300318.085/BCTC.KT1 ngày 30 tháng 03 năm 2018 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến việc chưa thu thập được xác nhận công nợ và chưa đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu khách hàng tồn lâu với số tiền 3,77 tỷ đồng. Vấn đề này chưa được khắc phục, tại ngày 31/12/2018 các khoản phải thu khách hàng chưa thu thập được xác nhận công nợ và chưa đánh giá được khả năng thu hồi là 3,77 tỷ đồng. Tại thời điểm lập Báo cáo này, bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng để xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo về các vấn đề sau:

- Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của Công ty vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, số liệu Báo cáo tài chính của Công ty có thể thay đổi khi Báo cáo quyết toán cổ phần hoá được phê duyệt.
- Công ty ghi nhận giá trị doanh thu bị cắt giảm của các hợp đồng thực hiện trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa trên khoản mục Phải thu khác với số tiền là 5.930.214.734 VND và chờ hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền (Chi tiết thuyết minh số 07).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Phạm Anh Tuấn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2019

**Phan Bá Cường**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 3639-2016-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>358,739,039,853</b>	<b>348,097,071,483</b>
<b>110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>117,840,901,749</b>	<b>112,392,465,396</b>
111 1. Tiền		27,840,901,749	66,392,465,396
112 2. Các khoản tương đương tiền		90,000,000,000	46,000,000,000
<b>120 II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>10,000,000,000</b>	-
123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10,000,000,000	-
<b>130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>198,785,446,879</b>	<b>210,011,305,866</b>
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	169,493,759,850	181,995,135,775
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1,996,052,635	5,116,273,603
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	7	27,295,634,394	23,557,610,284
137 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(657,713,796)
<b>140 IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>31,341,380,530</b>	<b>24,586,674,932</b>
141 1. Hàng tồn kho		31,341,380,530	24,586,674,932
<b>150 V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>771,310,695</b>	<b>1,106,625,289</b>
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	-	449,277,508
153 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	771,310,695	657,347,781
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>103,759,895,346</b>	<b>126,166,040,843</b>
<b>210 I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>15,991,846,000</b>	<b>23,987,768,000</b>
211 1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	15,991,846,000	23,987,768,000
<b>220 II. Tài sản cố định</b>		<b>22,703,298,339</b>	<b>28,438,221,702</b>
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	22,703,298,339	28,438,221,702
222 - Nguyên giá		76,291,648,891	76,291,648,891
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(53,588,350,552)	(47,853,427,189)
<b>260 III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>65,064,751,007</b>	<b>73,740,051,141</b>
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	10	65,064,751,007	73,740,051,141
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>462,498,935,199</b>	<b>474,263,112,326</b>

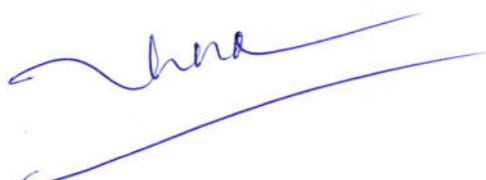


## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>300 C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>163,239,839,888</b>	<b>172,010,535,480</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>163,239,839,888</b>	<b>172,010,535,480</b>
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	102,216,008,605	88,715,436,927
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	4,852,512,600	653,483,200
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1,471,375,355	515,890,536
314 4. Phải trả người lao động		18,959,411,874	25,497,682,900
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	8,086,417,833	8,002,950,515
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	15	17,942,870,975	31,892,134,834
322 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9,711,242,646	16,732,956,568
<b>400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>299,259,095,311</b>	<b>302,252,576,846</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>298,911,491,307</b>	<b>301,904,972,842</b>
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		284,000,000,000	284,000,000,000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		284,000,000,000	284,000,000,000
421 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		14,911,491,307	17,904,972,842
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		954,972,842	232,361,023
421b - LNST chưa phân phối năm nay		13,956,518,465	17,672,611,819
<b>430 II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>		<b>347,604,004</b>	<b>347,604,004</b>
431 1. Nguồn kinh phí	17	347,604,004	347,604,004
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>462,498,935,199</b>	<b>474,263,112,326</b>



**Trương Thị Thùy Ngân**

Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2018



**Nguyễn Thị Xuân Đông**

Kế toán trưởng



**Huỳnh Trí Dũng**

Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	375,713,506,098	383,141,397,845
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		375,713,506,098	383,141,397,845
11	3. Giá vốn hàng bán	19	290,176,860,161	291,935,959,063
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		85,536,645,937	91,205,438,782
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20	5,366,791,755	2,908,032,473
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	61,847,641,200	61,054,065,044
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		29,055,796,492	33,059,406,211
31	8. Thu nhập khác		1,929,563,249	1,049,728,964
32	9. Chi phí khác		995,876,184	1,214,756,374
40	10. Lợi nhuận khác		933,687,065	(165,027,410)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		29,989,483,557	32,894,378,801
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	6,092,965,092	6,701,766,982
60	13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>23,896,518,465</u>	<u>26,192,611,819</u>
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23		860



Trương Thị Thùy Ngân  
Người lập biểu  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2018



Nguyễn Thị Xuân Đông  
Kế toán trưởng



Huỳnh Trí Dũng  
Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	406,148,120,607	340,918,195,449
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(236,647,240,835)	(181,475,903,212)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(89,375,297,794)	(128,461,273,186)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(4,068,175,377)	-
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	3,058,753,690	960,586,244
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(36,399,705,905)	(34,243,588,056)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>42,716,454,386</b>	<b>(2,301,982,761)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(174,843,000)	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(10,000,000,000)	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	5,081,933,917	3,273,307,436
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(5,092,909,083)</b>	<b>3,273,307,436</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(32,175,108,950)	(15,537,027,000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(32,175,108,950)</b>	<b>(15,537,027,000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>5,448,436,353</b>	<b>(14,565,702,325)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>112,392,465,396</b>	<b>126,958,167,721</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3 117,840,901,749</b>	<b>112,392,465,396</b>



Trương Thị Thùy Ngân  
Người lập biểu  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2018



Nguyễn Thị Xuân Đông  
Kế toán trưởng





Huỳnh Trí Dũng  
Tổng Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần 5 số 0300423479 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại số 121, đường Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 284.000.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ đồng chẵn), tương đương 28.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Quản lý vận hành, duy tu, sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát giao thông, bảng thông tin giao thông điện tử.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng các hệ thống đèn chiếu sáng công cộng.
- Tư vấn khảo sát, lập dự án, thiết kế, lập dự toán, lập hồ sơ mời thầu, giám sát thi công, quản lý điều hành dự án các công trình: chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát, bảng thông tin giao thông điện tử.
- Thi công xây lắp mới hệ thống : chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát, bảng thông tin giao thông điện tử.

#### Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty vẫn hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực duy tu, sửa chữa các công trình liên quan đến hoạt động chiếu sáng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, năm nay Nhà nước thực hiện đấu thầu để lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ duy tu thay vì đặt hàng như các năm trước dẫn đến doanh thu và lợi nhuận gộp của công ty năm nay giảm so với năm trước. Tuy nhiên do thu nhập khác và doanh thu tài chính tăng mạnh, Lợi nhuận sau thuế năm 2018 chỉ giảm nhẹ so với năm 2017.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.



*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

### 2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.



Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm

## 2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm theo hướng dẫn của Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

## 2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### 2.13 . Doanh thu

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 2.14 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

### 2.15 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

#### b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

## 2.16 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.18 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là hoạt động duy tu và thi công xây lắp, đồng thời doanh thu phát sinh chủ yếu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	98,656,771	357,946,434
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27,742,244,978	66,034,518,962
Các khoản tương đương tiền (*)	90,000,000,000	46,000,000,000
<b>Tổng</b>	<b>117,840,901,749</b>	<b>112,392,465,396</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất từ 5,0%/năm đến 5,1%/năm.

## 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Tại ngày 31/12/2018, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 5,5%/năm với số tiền là 10 tỷ đồng.

**5 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Khu Quản lý giao thông đô thị số 1	48,905,651,656	-	35,388,361,929	-
Khu Quản lý giao thông đô thị số 2	18,302,149,597	-	20,162,331,919	-
Khu Quản lý giao thông đô thị số 3	31,697,169,383	-	51,580,276,226	-
Khu Quản lý giao thông đô thị số 4	42,675,361,710	-	34,192,152,542	-
Sở Giao thông Vận tải tỉnh Tây Ninh	23,987,768,000	-	33,979,612,000	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng 2 Thành phố Bà Rịa	7,898,000,000	-	18,230,000,000	-
Các đối tượng khác	12,019,505,504	-	12,450,169,159	(657,713,796)
<b>Tổng</b>	<b>185,485,605,850</b>	<b>-</b>	<b>205,982,903,775</b>	<b>(657,713,796)</b>

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>b) Phải thu khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán</b>				
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	169,493,759,850	-	181,995,135,775	(657,713,796)
Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	15,991,846,000	-	23,987,768,000	-
<b>Tổng</b>	<b>185,485,605,850</b>	<b>-</b>	<b>205,982,903,775</b>	<b>(657,713,796)</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu	546,000	-	350,367,360	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Lê Châu	290,161,800	-	290,161,800	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Hà Sơn	1,603,616,835	-	4,374,973,443	-
Các đối tượng khác	101,728,000	-	100,771,000	-
<b>Tổng</b>	<b>1,996,052,635</b>	<b>-</b>	<b>5,116,273,603</b>	<b>-</b>



7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	172,798,862	-	172,798,862	-
Dự thu lãi tiền gửi	443,835,616	-	158,977,778	-
Phải thu thuế TNCN	59,373,382	-	323,026,511	-
Tạm ứng	95,250,000	-	161,760,000	-
Ký quỹ bảo đảm thực hiện hợp đồng, ký quỹ bảo đảm chờ quyết toán	17,720,232,962	-	18,808,737,630	-
Phải thu lương viên chức quản lý năm 2013	-	-	2,675,550,011	-
Phải thu Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh phần lợi nhuận nộp thừa	1,218,179,082	-	1,218,179,082	-
Điều chỉnh cắt giảm doanh thu các công trình duy tu thực hiện giai đoạn trước cổ phần hóa (*)	5,930,214,734	-	-	-
Phải thu khác	1,655,749,756	-	38,580,410	-
<b>Tổng</b>	<b>27,295,634,394</b>	<b>-</b>	<b>23,557,610,284</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>1,218,179,082</b>	<b>-</b>	<b>1,218,179,082</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)

(\*) Trong năm 2018, một số chủ đầu tư đã phê duyệt quyết toán và điều chỉnh giảm doanh thu một số hợp đồng mà Công ty thực hiện trong giai đoạn chưa cổ phần hóa với số tiền là: 5.930.214.734 VND. Vì phần doanh thu bị cắt giảm này sẽ ảnh hưởng tới giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa, do đó Công ty theo dõi các khoản doanh thu bị cắt giảm này trên khoản mục Phải thu khác và chờ hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền.



**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng (Đã điều chỉnh)
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	16,618,215,053	-	15,555,455,872	-
Công cụ, dụng cụ	36,844,700	-	99,217,600	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14,520,739,202	-	8,742,382,613	-
- Hoạt động duy tu	1,464,085,013	-	1,126,033,595	-
- Xây dựng tuyến đường gom thuộc tuyến đường dẫn cao tốc TP HCM - Trung Lương	3,529,243,396	-	-	-
- Thay thế hệ thống chiếu sáng mỹ thuật trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân TP. HCM	6,117,571,810	-	-	-
- Dự án thay thế hệ thống đèn LED trên địa bàn Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	4,624,200,000	-
- Các dự án khác	3,409,838,983	-	2,992,149,018	-
Thành phẩm	165,581,575	-	189,618,847	-
<b>Tổng</b>	<b>31,341,380,530</b>	<b>-</b>	<b>24,586,674,932</b>	<b>-</b>

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	33,905,931,917	2,994,289,900	36,731,222,029	2,660,205,045	76,291,648,891
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>33,905,931,917</b>	<b>2,994,289,900</b>	<b>36,731,222,029</b>	<b>2,660,205,045</b>	<b>76,291,648,891</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	11,661,969,140	2,314,068,742	31,773,332,078	2,104,057,229	47,853,427,189
- Khấu hao trong năm	1,512,574,068	269,790,923	3,750,089,584	202,468,788	5,734,923,363
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>13,174,543,208</b>	<b>2,583,859,665</b>	<b>35,523,421,662</b>	<b>2,306,526,017</b>	<b>53,588,350,552</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	22,243,962,777	680,221,158	4,957,889,951	556,147,816	28,438,221,702
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>20,731,388,709</b>	<b>410,430,235</b>	<b>1,207,800,367</b>	<b>353,679,028</b>	<b>22,703,298,339</b>

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2018 là: 21.236.832.853 VND.

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	449,277,508
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>449,277,508</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Lợi thế thương mại (i)	65,064,751,007	73,740,051,141
<b>Tổng</b>	<b>65,064,751,007</b>	<b>73,740,051,141</b>

(i) Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định căn cứ theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Quyết định số 6039/QĐ/UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong thời hạn 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2014 kể từ thời điểm chuyển sang công ty cổ phần (ngày 01/07/2016).

**11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Thiết bị Nghe nhìn Bản Sao Việt	4,107,120,000	4,107,120,000	5,974,320,000	5,974,320,000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng Thiên Minh	17,927,251,870	17,927,251,870	10,467,052,970	10,467,052,970
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tân Mỹ Á	-	-	6,377,905,160	6,377,905,160
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Đại Quang Phát	1,220,357,187	1,220,357,187	3,668,579,337	3,668,579,337
Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại và Xây dựng HITECH Việt Nam	9,175,850,310	9,175,850,310	7,405,023,780	7,405,023,780
Công ty TNHH NSJ	7,151,654,022	7,151,654,022	21,118,537,000	21,118,537,000
Công ty TNHH Kỹ thuật máy tính Phúc Châu	3,174,195,672	3,174,195,672	4,948,149,493	4,948,149,493
Công ty TNHH VILIGHT	24,939,090,000	24,939,090,000	3,054,954,100	3,054,954,100
Các đối tượng khác	34,520,489,544	34,520,489,544	25,700,915,087	25,700,915,087
<b>Tổng</b>	<b>102,216,008,605</b>	<b>102,216,008,605</b>	<b>88,715,436,927</b>	<b>28,755,869,187</b>

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm (Đã điều chỉnh)	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	515,890,536	3,648,622,931	4,830,493,749	665,980,282	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	553,414,360	-	6,092,965,092	4,068,175,377	-	1,471,375,355
Thuế thu nhập cá nhân	103,933,421	-	1,669,388,881	1,670,785,873	105,330,413	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1,321,418,146	1,321,418,146	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	5,000,000	5,000,000	-	-
	<b>657,347,781</b>	<b>515,890,536</b>	<b>12,737,395,050</b>	<b>11,895,873,145</b>	<b>771,310,695</b>	<b>1,471,375,355</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Miền Đông	100,422,700	100,422,700
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 299	495,000,000	495,000,000
Văn phòng Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	4,007,700,000	-
Các đối tượng khác	249,389,900	58,060,500
<b>Tổng</b>	<b>4,852,512,600</b>	<b>653,483,200</b>

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình	8,023,404,428	7,934,377,411
Chi phí phải trả khác	63,013,405	68,573,104
<b>Tổng</b>	<b>8,086,417,833</b>	<b>8,002,950,515</b>

**15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2018	01/01/2018 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Phải trả thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	1,692,979,000	3,433,200,000
Phải trả về cổ tức	49,689,750	8,602,973,000
Phải trả tiền thuế thu nhập cá nhân	1,597,982,061	3,088,670,292
Thặng dư vốn cổ phần phải nộp về Nhà nước (*)	14,232,309,026	14,232,309,026
Các khoản phải trả, phải nộp khác	369,911,138	2,534,982,516
<b>Tổng</b>	<b>17,942,870,975</b>	<b>31,892,134,834</b>

(\*) Thặng dư vốn cổ phần khi cổ phần hóa Công ty phải nộp về Công ty mẹ theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV đề cập trong Biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 01/06/2018.



16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>284,000,000,000</b>	<b>14,232,309,026</b>	<b>21,931,368,594</b>	<b>320,163,677,620</b>
Lãi trong năm trước	-	-	25,280,559,201	25,280,559,201
Phân phối lợi nhuận	-	-	(21,699,007,571)	(21,699,007,571)
Tạm chia cổ tức	-	-	(8,520,000,000)	(8,520,000,000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>284,000,000,000</b>	<b>14,232,309,026</b>	<b>16,992,920,224</b>	<b>315,225,229,250</b>
Điều chỉnh hồi tố (i)	-	(14,232,309,026)	912,052,618	(13,320,256,408)
<b>Số dư cuối năm trước (sau điều chỉnh hồi tố)</b>	<b>284,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>17,904,972,842</b>	<b>301,904,972,842</b>
Lãi trong năm nay	-	-	23,896,518,465	23,896,518,465
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1,770,000,000)	(1,770,000,000)
Chia cổ tức năm 2017	-	-	(13,916,000,000)	(13,916,000,000)
Tạm chia cổ tức năm 2018 (ii)	-	-	(9,940,000,000)	(9,940,000,000)
Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS và thư ký HĐQT	-	-	(1,264,000,000)	(1,264,000,000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>284,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>14,911,491,307</b>	<b>298,911,491,307</b>

(i) Điều chỉnh hồi tố theo Biên bản kiểm toán ngày 01 tháng 06 năm 2018 của Kiểm toán nhà nước Khu vực IV.

(ii) Công ty tạm ứng cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT ngày 19/11/2018. Theo đó, tỷ lệ tạm ứng cổ tức là 3,5%, tương ứng 9,94 tỷ đồng.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 06 năm 2018, Công ty công bố việc

	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2017 (trước điều chỉnh hồi tố)	25,280,559,201
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	232,361,023
Tổng lợi nhuận chưa phân phối	25,512,920,224
Chia cổ tức, trong đó:	22,436,000,000
- Số đã tạm chia trong năm 2017	8,520,000,000
- Số chia trong năm nay	13,916,000,000
Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS, thư ký HĐQT và Ban điều hành	1,264,000,000
Trích quỹ khen thưởng	885,000,000

	Số tiền
	VND
Trích quỹ phúc lợi	885,000,000
Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	42,920,224

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2018	Tỷ lệ	01/01/2018	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	144,840,000,000	51.00	144,840,000,000	51.00
Công ty Cổ phần Long Hậu	96,560,000,000	34.00	96,560,000,000	34.00
Các cổ đông khác	42,600,000,000	15.00	42,600,000,000	15.00
<b>Tổng</b>	<b>284,000,000,000</b>	<b>100.00</b>	<b>284,000,000,000</b>	<b>100.00</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	284,000,000,000	284,000,000,000
- Vốn góp cuối năm	284,000,000,000	284,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	8,602,973,000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	23,856,000,000	24,140,000,000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	13,916,000,000	15,620,000,000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	9,940,000,000	8,520,000,000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	32,409,283,250	15,537,027,000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	22,518,973,000	15,537,027,000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	9,890,310,250	-
- Số dư cuối năm	<u>49,689,750</u>	<u>8,602,973,000</u>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28,400,000	28,400,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	28,400,000	28,400,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28,400,000	28,400,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28,400,000	28,400,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28,400,000	28,400,000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

**17 . NGUỒN KINH PHÍ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	347,604,004	347,604,004
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối năm</b>	<b>347,604,004</b>	<b>347,604,004</b>

Nguồn kinh phí được cấp là giá trị vật tư Công ty nhận từ Ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ được giao liên quan đến hệ thống chiếu sáng công cộng.

**18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu từ hoạt động duy tu và thi công xây lắp	374,757,397,067	380,995,698,522
Doanh thu dịch vụ khác	956,109,031	2,145,699,323
<b>Tổng</b>	<b>375,713,506,098</b>	<b>383,141,397,845</b>

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 (Đã điều chỉnh) VND
Giá vốn của hoạt động duy tu và thi công xây lắp	289,372,163,670	291,635,509,251
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1,344,728,718)
Giá vốn dịch vụ khác	804,696,491	1,645,178,530
<b>Tổng</b>	<b>290,176,860,161</b>	<b>291,935,959,063</b>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi	5,366,791,755	2,908,032,473
<b>Tổng</b>	<b>5,366,791,755</b>	<b>2,908,032,473</b>

**21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân công	21,667,292,000	22,512,088,000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,925,582,384	2,280,464,476
Hoàn nhập dự phòng	(657,713,796)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10,628,015,475	11,148,294,460
Chi phí khác bằng tiền	28,284,465,137	25,113,218,108
	<b>61,847,641,200</b>	<b>61,054,065,044</b>

**22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2018	Năm 2017 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	29,989,483,557	32,894,378,801
Các khoản điều chỉnh tăng	475,341,901	614,456,110
- Tiền phạt chậm nộp thuế	68,869,298	191,122,750
- Thủ lao của người quản lý không chuyên trách	403,800,000	423,333,360
- Các khoản khác	2,672,603	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	30,464,825,458	33,508,834,911
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>6,092,965,092</b>	<b>6,701,766,982</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(553,414,360)	(7,255,181,342)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(4,068,175,377)	-
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>1,471,375,355</b>	<b>(553,414,360)</b>

**23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	23,896,518,465	26,192,611,819
Các khoản điều chỉnh:	(1,790,000,000)	(1,770,000,000)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự tính được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)	(1,790,000,000)	(1,770,000,000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	22,106,518,465	24,422,611,819
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	28,400,000	28,400,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>778</b>	<b>860</b>

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/06/2018, Công ty dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với tổng tỷ lệ là 7% trên lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2018, tương ứng với số tiền 1.790.000.000 VND.

**24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	189,783,112,372	154,552,648,406
Chi phí nhân công	93,399,557,815	93,006,000,000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,734,923,363	10,088,077,838
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38,143,685,337	34,877,500,896
Chi phí khác bằng tiền	31,414,217,359	31,859,196,076
<b>Tổng</b>	<b>358,475,496,246</b>	<b>324,383,423,216</b>

## 25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	117,840,901,749	-	112,392,465,396	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	212,781,240,244	-	229,540,514,059	(657,713,796)
Các khoản cho vay	10,000,000,000	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>340,622,141,993</b>	<b>-</b>	<b>341,932,979,455</b>	<b>(657,713,796)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán, phải trả khác	120,158,879,580	120,607,571,761
Chi phí phải trả	8,086,417,833	8,002,950,515
<b>Tổng</b>	<b>128,245,297,413</b>	<b>128,610,522,276</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

#### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:



	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Tiền và tương đương tiền	117,840,901,749	-	-	117,840,901,749
Phải thu khách hàng, phải thu khác	196,789,394,244	15,991,846,000	-	212,781,240,244
<b>Tổng</b>	<b>314,630,295,993</b>	<b>15,991,846,000</b>	<b>-</b>	<b>330,622,141,993</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Tiền và tương đương tiền	112,392,465,396	-	-	112,392,465,396
Phải thu khách hàng, phải thu khác	204,895,032,263	23,987,768,000	-	228,882,800,263
<b>Tổng</b>	<b>317,287,497,659</b>	<b>23,987,768,000</b>	<b>-</b>	<b>341,275,265,659</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	120,158,879,580	-	-	120,158,879,580
Chi phí phải trả	8,086,417,833	-	-	8,086,417,833
<b>Tổng</b>	<b>128,245,297,413</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>128,245,297,413</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	120,607,571,761	-	-	120,607,571,761
Chi phí phải trả	8,002,950,515	-	-	8,002,950,515
<b>Tổng</b>	<b>128,610,522,276</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>128,610,522,276</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**26 . THÔNG TIN KHÁC**

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Quỹ tiền lương người lao động và viên chức quản lý năm 2018 đang được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 (hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có Cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước) và đang chờ phê duyệt từ Hội đồng quản trị.

**27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

## 28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Long Hậu	Cổ đông lớn

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
<b>Chia cổ tức</b>		
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	9,414,600,000	12,311,400,000
Công ty Cổ phần Long Hậu	6,276,400,000	8,207,600,000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	1,218,179,082	1,218,179,082

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	459,805,448	776,537,976
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	2,251,556,619	2,657,757,376

**29 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 01 tháng 06 năm 2018 như sau:

	Mã số	Điều chỉnh lại	Đã trình bày trên báo cáo	Chênh lệch	Ghi chú
		VND	VND	VND	
<b>Bảng Cân đối kế toán</b>					
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	(1,245,899,112)	1,245,899,112	(1)
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	657,347,781	991,194,275	(333,846,494)	(2)
Phải trả ngắn hạn khác	319	31,892,134,834	17,659,825,808	14,232,309,026	(3)
Thặng dư vốn cổ phần	412	-	14,232,309,026	(14,232,309,026)	(3)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17,904,972,842	16,992,920,224	912,052,618	(4)
<b>Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
Giá vốn hàng bán	11	291,935,959,063	293,181,858,175	(1,245,899,112)	(1)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6,701,766,982	6,367,920,488	333,846,494	(2)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	26,192,611,819	25,280,559,201	912,052,618	(4)

Cụ thể:

(1): Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

(2): Bao gồm:

- Tăng thuế TNDN phải nộp do hoàn nhập chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho: 249,179,822 VND
- Tăng thuế TNDN phải nộp đối với chi phí thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành: 84,666,672 VND

(3): Thặng dư vốn cổ phần khi cổ phần hóa phải nộp về Nhà nước.

(4): Ảnh hưởng của việc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và chi phí thuế TNDN phải nộp.



**Trương Thị Thùy Ngân**  
Người lập biểu  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2018



**Nguyễn Thị Xuân Đông**  
Kế toán trưởng



**Huỳnh Trí Dũng**  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TPHCM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ...316.../CV-CSCC

TPHCM, ngày 08 tháng 9 năm 2019

V/v giải trình ý kiến ngoại trừ của Công ty  
kiểm toán trên Báo cáo tài chính  
năm 2018

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Tại báo cáo kiểm toán ngày 05 tháng 04 năm 2019, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán có nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ và nhấn mạnh như sau:

1. **Ý kiến ngoại trừ:** “Tại Báo cáo kiểm toán số 300318.85/BCTC.KT1 ngày 30 tháng 03 năm 2018 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan để việc thu thập chưa xác nhận công nợ và chưa đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu khách hàng tồn lâu với số tiền 3,77 tỷ đồng. Vấn đề này chưa được khắc phục, tại ngày 31/12/2018 các khoản phải thu khách hàng chưa thu thập được xác nhận công nợ và chưa đánh giá được khả năng thu hồi là 3,77 tỷ đồng. Tại thời điểm lập báo cáo này, bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng để xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty”.

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM xin giải trình nội dung trên như sau:

Định kỳ hàng năm, Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM thực hiện gửi bảng đối chiếu công nợ đến từng Chủ đầu tư theo quy định, tuy nhiên đến thời điểm lập Báo cáo kiểm toán vẫn còn một số Chủ đầu tư chưa xác nhận công nợ. Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM đã tích cực làm việc với Chủ đầu tư đề nghị hỗ trợ xác nhận công nợ theo quy định, tuy nhiên vẫn còn một số Chủ đầu tư chưa xác nhận công nợ. Công ty sẽ tiếp tục làm việc với các Chủ đầu tư về vấn đề này.

2. **Ý kiến nhấn mạnh:**

- “Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của Công ty vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, số liệu Báo cáo tài chính của Công ty có thể thay đổi khi Báo cáo quyết toán cổ phần hóa được phê duyệt.
- Công ty ghi nhận giá trị doanh thu bị cắt giảm của các hợp đồng thực hiện trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa trên khoản mục Phải thu khác với số tiền 5.930.214.734 VND và chờ hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền.”

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM xin giải trình nội dung trên như sau:

Hiện nay, các hợp đồng Công ty đã thực hiện trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa (trước ngày 01/07/2016) đang được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, theo đó kết quả phê duyệt có tăng, giảm giá trị quyết toán. Do đó Công ty tạm ghi nhận doanh thu tăng, giảm trên khoản mục phải thu, phải trả khác và đang chờ hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền khi Báo cáo quyết toán cổ phần hóa được duyệt.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết về các nội dung trong bản giải trình là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung công bố thông tin.

Rất mong Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét và chấp thuận.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Huỳnh Trí Dũng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TPHCM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ...316.../CV-CSCC

TPHCM, ngày 08 tháng 9 năm 2019

V/v giải trình ý kiến ngoại trừ của Công ty  
kiểm toán trên Báo cáo tài chính  
năm 2018

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Tại báo cáo kiểm toán ngày 05 tháng 04 năm 2019, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán có nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ và nhấn mạnh như sau:

- Ý kiến ngoại trừ:** “Tại Báo cáo kiểm toán số 300318.85/BCTC.KT1 ngày 30 tháng 03 năm 2018 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan để việc thu thập chưa xác nhận công nợ và chưa đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu khách hàng tồn lâu với số tiền 3,77 tỷ đồng. Vấn đề này chưa được khắc phục, tại ngày 31/12/2018 các khoản phải thu khách hàng chưa thu thập được xác nhận công nợ và chưa đánh giá được khả năng thu hồi là 3,77 tỷ đồng. Tại thời điểm lập báo cáo này, bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng để xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty”.

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM xin giải trình nội dung trên như sau:

Định kỳ hàng năm, Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM thực hiện gửi bảng đối chiếu công nợ đến từng Chủ đầu tư theo quy định, tuy nhiên đến thời điểm lập Báo cáo kiểm toán vẫn còn một số Chủ đầu tư chưa xác nhận công nợ. Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM đã tích cực làm việc với Chủ đầu tư đề nghị hỗ trợ xác nhận công nợ theo quy định, tuy nhiên vẫn còn một số Chủ đầu tư chưa xác nhận công nợ. Công ty sẽ tiếp tục làm việc với các Chủ đầu tư về vấn đề này.

- Ý kiến nhấn mạnh:**

- “Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của Công ty vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, số liệu Báo cáo tài chính của Công ty có thể thay đổi khi Báo cáo quyết toán cổ phần hóa được phê duyệt.
- Công ty ghi nhận giá trị doanh thu bị cắt giảm của các hợp đồng thực hiện trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa trên khoản mục Phải thu khác với số tiền 5.930.214.734 VND và chờ hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền.”

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM xin giải trình nội dung trên như sau:

Hiện nay, các hợp đồng Công ty đã thực hiện trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa (trước ngày 01/07/2016) đang được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, theo đó kết quả phê duyệt có tăng, giảm giá trị quyết toán. Do đó Công ty tạm ghi nhận doanh thu tăng, giảm trên khoản mục phải thu, phải trả khác và đang chờ hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền khi Báo cáo quyết toán cổ phần hóa được duyệt.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết về các nội dung trong bản giải trình là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung công bố thông tin.

Rất mong Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét và chấp thuận.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Huỳnh Trí Dũng**